VỊ TRÍ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TRONG QHPK PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

B

0M 30M 100M 300M

KÝ HIỆU

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	QUY HOẠCH ĐỢT ĐẦU	QUY HOẠCH DÀI HẠN	
			ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
			ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT NHÓM NHÀ Ở
			ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO
			ĐẤT NHÓM NHÀ Ở XÃ HỘI
			ĐẤT HỖN HỢP NHÓM NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ
			ĐẤT Y TẾ
			ĐẤT VĂN HÓA
			ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
			ĐẤT TRƯỜNG THPT
			ĐẤT TRƯỜNG THCS, TIỂU HỌC, MẦM NON
			ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
			ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG
			ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT
			ĐẤT KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN, VẬT LIỆU XÂY DỰNG
			ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO
			ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ
			ĐẤT DỊCH VỤ
			ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
			ĐẤT AN NINH
			ĐẤT QUỐC PHÒNG
			BÃI ĐỖ XE
			NGHĨA TRANG
			ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
			ĐẤT NÔNG NGHIỆP
			NUÔI TRỒNG THỦY HẢI SẢN
			HỒ, AO, ĐẦM
			SÔNG, SUỐI, KÊNH RẠCH
			ĐƯỜNG GIAO THÔNG
			RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

VỊ TRÍ:
- KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH THUỘC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.

PHẠM VI RANH GIỚI:
- PHÍA ĐÔNG: GIÁP SÔNG TIÊN TRUNG VÀ KHU DÂN CƯ HIỆN CÓ;
- PHÍA TÂY: GIÁP SÔNG BẾN GẠCH;
- PHÍA NAM: GIÁP QUỐC LỘ 37 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH;
- PHÍA BẮC: GIÁP SÔNG TIÊN TRUNG.

QUY MÔ:
- TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC LÀ KHOẢNG 26,77HA;
- TỔNG DIỆN TÍCH ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC *(TỪ LÔ ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ OLK1 ĐẾN OLK10)* LÀ KHOẢNG 4,95HA.

VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

VĐ 5

SÔNG BẾN GẠCH

SÔNG TIÊN TRUNG

QL 37

ĐT390

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 3220/QĐ-UBND, NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 2026
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN THẢO

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 3316/BC-KTHTĐT, NGÀY 23 THÁNG 12 NĂM 2026
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 121/2026/TTr-NQ, NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 2026
CHỦ TỊCH HĐQT
Trieu Thanh An

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC, PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: ...-...-.....
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VIỆT NAM		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN MINH SƠN		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. BÙI ANH TUẤN		

GIÁM ĐỐC:
TÔ ĐÌNH PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 10/7, NGÕ 10 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG
PHƯỜNG LÁNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 0912.754.355

VỊ TRÍ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TRONG QHPK PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

B

0M 30M 100M 300M

KÝ HIỆU

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	QUY HOẠCH ĐỢT ĐẦU	QUY HOẠCH DÀI HẠN	
			ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
			ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT NHÓM NHÀ Ở
			ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO
			ĐẤT NHÓM NHÀ Ở XÃ HỘI
			ĐẤT HỖN HỢP NHÓM NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ
			ĐẤT Y TẾ
			ĐẤT VĂN HÓA
			ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
			ĐẤT TRƯỜNG THPT
			ĐẤT TRƯỜNG THCS, TIỂU HỌC, MẦM NON
			ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
			ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG
			ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT
			ĐẤT KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN, VẬT LIỆU XÂY DỰNG
			ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO
			ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ
			ĐẤT DỊCH VỤ
			ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
			ĐẤT AN NINH
			ĐẤT QUỐC PHÒNG
			BÃI ĐỖ XE
			NGHĨA TRANG
			ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
			ĐẤT NÔNG NGHIỆP
			NUÔI TRỒNG THỦY HẢI SẢN
			HỒ, AO, ĐẦM
			SÔNG, SUỐI, KÊNH RẠCH
			ĐƯỜNG GIAO THÔNG
			RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

VỊ TRÍ:

- KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH THUỘC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.

PHẠM VI RANH GIỚI:

- PHÍA ĐÔNG: GIÁP SÔNG TIÊN TRUNG VÀ KHU DÂN CƯ HIỆN CÓ;
- PHÍA TÂY: GIÁP SÔNG BẾN GẠCH;
- PHÍA NAM: GIÁP QUỐC LỘ 37 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CHÍNH;
- PHÍA BẮC: GIÁP SÔNG TIÊN TRUNG.

QUY MÔ:

- TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC LÀ KHOẢNG 26,77HA;
- TỔNG DIỆN TÍCH ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC *(TỪ LÔ ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ OLK1 ĐẾN OLK10)* LÀ KHOẢNG 4,95HA.

VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

VĐ 5

SÔNG BẾN GẠCH

SÔNG TIÊN TRUNG

QL 37

ĐT390

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ÁI QUỐC

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 24.../QĐ-UBND, NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2026

PHÓ CHỦ TỊCH

LÊ VĂN THẢO

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ÁI QUỐC

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 1[illegible]/TTr-KTHTĐT, NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026

TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 421/2026/TTr-NQ, NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 2026

CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thanh An

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC, PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: ...-...-.....
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VIỆT NAM		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN MINH SƠN		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. ĐỖ ANH TUẤN		

GIÁM ĐỐC:

TÔ ĐÌNH PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC

TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 107, NGÕ 10 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG

PHƯỜNG LÁNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TEL: 0912.754.355

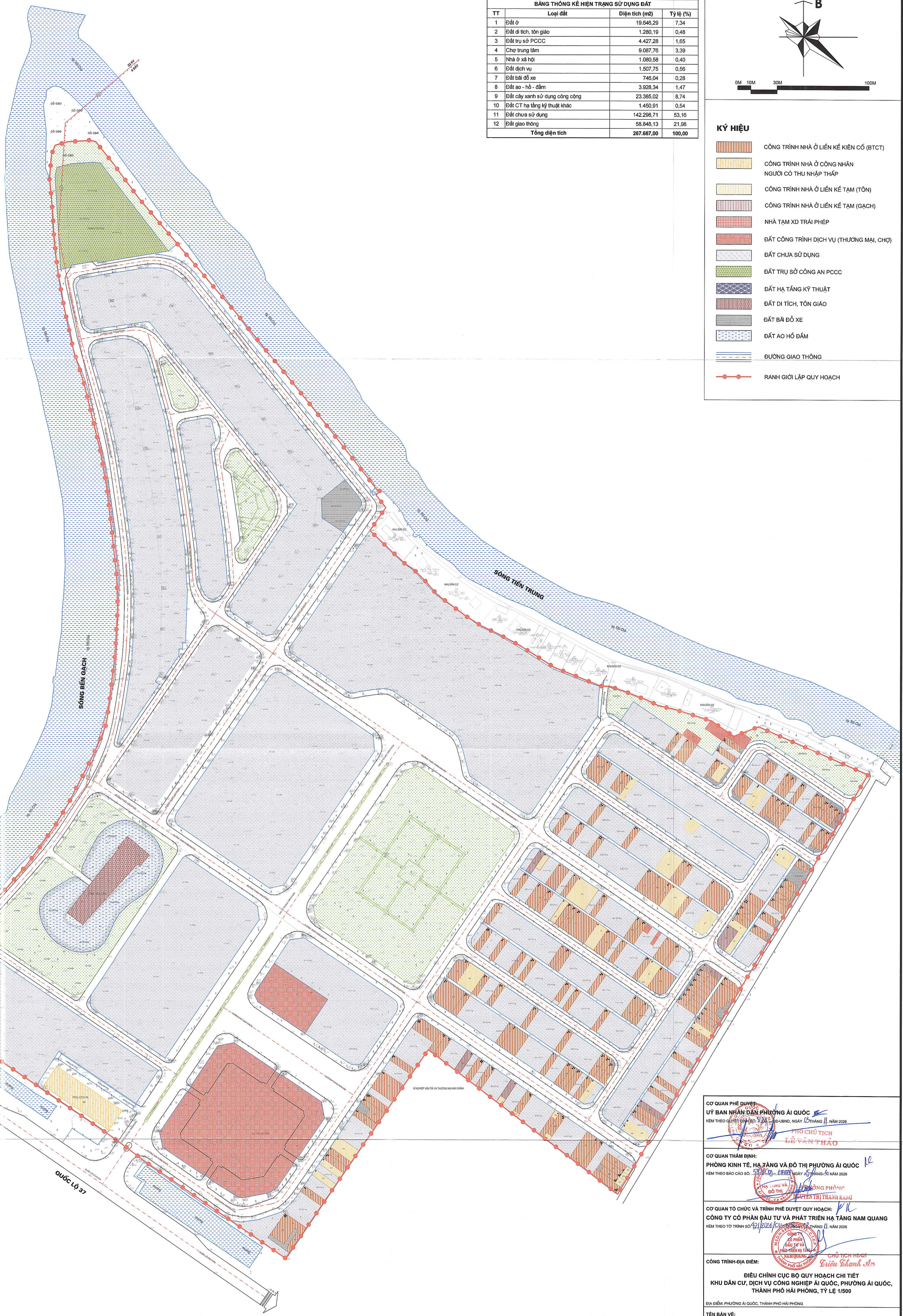

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Loại đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	19.646,29	7,34
2	Đất di tích, tôn giáo	1.280,19	0,48
3	Đất trụ sở PCCC	4.427,28	1,65
4	Chợ trung tâm	9.087,76	3,39
5	Nhà ở xã hội	1.080,58	0,40
6	Đất dịch vụ	1.507,75	0,56
7	Đất bãi đỗ xe	746,04	0,28
8	Đất ao - hồ - đầm	3.928,34	1,47
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng	23.385,02	8,74
10	Đất CT hạ tầng kỹ thuật khác	1.450,91	0,54
11	Đất chưa sử dụng	142.298,71	53,16
12	Đất giao thông	58.848,13	21,98
	Tổng diện tích	**267.687,00**	**100,00**

KÝ HIỆU

- CÔNG TRÌNH NHÀ Ở LIỀN KỀ KIÊN CỐ (BTCT)
- CÔNG TRÌNH NHÀ Ở CÔNG NHÂN NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP
- CÔNG TRÌNH NHÀ Ở LIỀN KỀ TẠM (TÔN)
- CÔNG TRÌNH NHÀ Ở LIỀN KỀ TẠM (GẠCH)
- NHÀ TẠM XD TRÁI PHÉP
- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ (THƯƠNG MẠI, CHỢ)
- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
- ĐẤT TRỤ SỞ CÔNG AN PCCC
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT AO HỒ ĐẦM
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 2224/QĐ-UBND, NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN THẢO

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 5814/TTr-KTHTĐT NGÀY 05 THÁNG 10 NĂM 2026
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 42/2026/CV-NAMQUANG NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2026
CHỦ TỊCH HĐQT
Triệu Thanh Anh

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC, PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN, HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

BẢN VẼ: QH-02A	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: ...-..-.....
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VIỆT NAM		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN MINH SƠN		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. BÙI ANH TUẤN		

GIÁM ĐỐC:
TÔ ĐÌNH PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 107, NGÕ 10 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG
PHƯỜNG LÁNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 0912.754.355

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2311/QĐ-UBND NGÀY 29/4/2025 CỦA UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG



ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT



B

0M 20M 100M

KÝ HIỆU

- ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ
- ĐẤT NHÀ CHUNG CƯ (NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP)
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT VĂN HOÁ
- ĐẤT AN NINH
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO
- ĐẤT SÔNG - SUỐI - KÊNH - RẠCH
- ĐẤT AO - HỒ - ĐẦM
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT
TÊN LÔ ĐẤT
DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)

GHI CHÚ: THAY ĐỔI MẬT ĐỘ XÂY DỰNG, TẦNG CAO VÀ HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC LÔ ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ CL41 ĐẾN CL47D

BẢNG THỐNG KÊ SO SÁNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo QĐ số 2311/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND TP Hải Dương		Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		Tăng / Giảm (m^2)	Ghi chú
			Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		
1	**Đất nhà ở**		**108.085,06**	**40,38**	**108.085,06**	**40,38**	**0,00**	
1.1	Đất nhà ở liên kế	OLK	74.845,06	27,96	74.845,06	27,96	0,00	
1.2	Đất nhà chung cư (nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp)	OCN	33.240,00	12,42	33.240,00	12,42	0,00	
2	**Đất công trình hạ tầng xã hội**		**59.924,51**	**22,39**	**59.581,66**	**22,26**	**-342,85**	
2.1	Đất giáo dục		15.690,00	5,86	15.690,00	5,86	0,00	
	Trường mầm non	*MG*	7.710,00	2,88	7.710,00	2,88	0,00	
	Trường tiểu học	*TH*	7.980,00	2,98	7.980,00	2,98	0,00	
2.2	Dây y tế	CC3	400,00	0,15	400,00	0,15	0,00	
2.3	Đất văn hoá	CC4	400,00	0,15	400,00	0,15	0,00	
2.4	Đất an ninh (Trụ sở PCCC)	CA	4.356,00	1,63	4.356,00	1,63	0,00	
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	39.078,51	14,60	38.735,66	14,47	-342,85	
3	**Đất công trình dịch vụ**		**14.921,00**	**5,57**	**14.921,00**	**5,57**	**0,00**	
3.1	TTTM, khách sạn	CC2	5.755,00	2,15	5.755,00	2,15	0,00	
3.2	Chợ	CC1	9.166,00	3,42	9.166,00	3,42	0,00	
4	**Đất di tích, tôn giáo**	TG	**1.092,00**	**0,40**	**1.280,19**	**0,48**	**188,19**	
5	**Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác**		**5.442,92**	**2,03**	**5.039,68**	**1,88**	**-403,84**	
5.1	Đất TXLNT, thu gom rác	HTKT	1.452,91	0,54	1.452,91	0,54	0,00	
5.2	Đất HTKT sau nhà	HT	3.992,01	1,49	3.588,17	1,34	-403,84	
6	**Đất bãi đỗ xe**	BĐX	**8.344,66**	**3,12**	**8.344,66**	**3,12**	**0,00**	
7	**Đất giao thông nội bộ**		**69.886,65**	**26,11**	**70.435,25**	**26,31**	**548,60**	
	Tổng diện tích đất quy hoạch		**267.687,00**	**100,00**	**267.687,00**	**100,00**	**0,00**	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ..../QĐ-UBND, NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2026
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN THẢO

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: ..../BC-KTHT&ĐT, NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2026
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ..../TTr-NQ-HĐQT, NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2026
CHỦ TỊCH HĐQT
Triệu Thanh Sơn

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC, PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ SO SÁNH SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH-03A	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: ...-...-.....
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VIỆT NAM		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN MINH SƠN		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. BÙI ANH TUẤN		
GIÁM ĐỐC: TÔ ĐÌNH PHÚ			

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 197, NGÕ 19 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG
PHƯỜNG LÁNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 0912.794.399



B

0M 10M 30M 100M

KÝ HIỆU

- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT NHÀ CHUNG CƯ (NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP)
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT VĂN HOÁ
- ĐẤT AN NINH
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO
- ĐẤT SÔNG - SUỐI - KÊNH - RẠCH
- ĐẤT AO - HỒ - ĐẦM
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

OLK6 NHÀ LIỀN KỀ 5.496 100 5 5.0

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT
TÊN LÔ ĐẤT
DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)

GHI CHÚ: THAY ĐỔI MẬT ĐỘ XÂY DỰNG, TẦNG CAO VÀ HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC LÔ ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ OLK1 ĐẾN OLK10

BẢNG THỐNG KÊ SO SÁNH CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo QĐ số 2311/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND TP Hải Dương		Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		Tăng / Giảm (m^2)	Ghi chú
			Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		
1	**Đất nhà ở**		**108.085,06**	**40,38**	**108.085,06**	**40,38**	**0,00**	
1.1	Đất nhà ở liền kề	OLK	74.845,06	27,96	74.845,06	27,96	0,00	
1.2	Đất nhà chung cư *(Nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp)*	OCN	33.240,00	12,42	33.240,00	12,42	0,00	
2	**Đất công trình hạ tầng xã hội**		**59.924,51**	**22,39**	**59.581,56**	**22,26**	**-342,95**	
2.1	Đất giáo dục		15.690,00	5,86	15.690,00	5,86	0,00	
	Trường mầm non	*MG*	*7.710,00*	*2,88*	*7.710,00*	*2,88*	*0,00*	
	Trường tiểu học	*TH*	*7.980,00*	*2,98*	*7.980,00*	*2,98*	*0,00*	
2.2	Đất y tế	CC3	400,00	0,15	400,00	0,15	0,00	
2.3	Đất văn hoá	CC4	400,00	0,15	400,00	0,15	0,00	
2.4	Đất an ninh (Trụ sở PCCC)	CA	4.356,00	1,63	4.356,00	1,63	0,00	
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	39.078,51	14,60	38.735,56	14,47	-342,95	
3	**Đất công trình dịch vụ**		**14.921,00**	**5,57**	**14.921,00**	**5,57**	**0,00**	
3.1	TTTM, khách sạn	CC2	5.755,00	2,15	5.755,00	2,15	0,00	
3.2	Chợ	CC1	9.166,00	3,42	9.166,00	3,42	0,00	
4	**Đất di tích, tôn giáo**	TG	**1.082,00**	**0,40**	**1.280,19**	**0,48**	**198,19**	
5	**Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác**		**5.442,92**	**2,03**	**5.039,08**	**1,88**	**-403,84**	
5.1	Đất TXLNT, thu gom rác	HTKT	1.450,91	0,54	1.450,91	0,54	0,00	
5.2	Đất HTKT sau nhà	HT	3.992,01	1,49	3.588,17	1,34	-403,84	
6	**Đất bãi đỗ xe**	BĐX	**8.344,86**	**3,12**	**8.344,86**	**3,12**	**0,00**	
7	**Đất giao thông nội bộ**		**69.886,65**	**26,11**	**70.435,25**	**26,31**	**548,60**	
	Tổng diện tích đất quy hoạch		**267.687,00**	**100,00**	**267.687,00**	**100,00**	**0,00**	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 824..../QĐ-UBND, NGÀY 03 THÁNG 11.. NĂM 2026
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN THẢO

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 591/BC-TĐ-...-KTHTĐT NGÀY 29 THÁNG 10 NĂM 2026
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 121/2026/C...NQ NGÀY 02 THÁNG 11.. NĂM 2026
CHỦ TỊCH HĐQT
Triệu Thanh An

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC, PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH-03B	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: ...-...-......
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VIẾT NAM		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN MINH SƠN		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. BÙI ANH TUẤN		
GIÁM ĐỐC: TÔ ĐÌNH PHÚ			

IDC VIET NAM...JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 10/7, NGÕ 10 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG
PHƯỜNG LÁNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 0912.754.355

BIỂU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ, PHƯỜNG AI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500
QH-03C: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÂN LÔ

BẢNG CHỈ TIÊU PHÂN LÔ							
STT	TÊN THỬA ĐẤT	DIỆN TÍCH THEO QH 2018 (m²)	MẬT ĐỘ (%)	DIỆN TÍCH (m²)	DIỆN TÍCH THEO BIỂU CHỈNH CỤC BỘ (m²)	TĂNG / GIẢM	
371	LK1-38	90,60	85,0	87,27	100,0	-1,33	
372	LK1-39	88,40	85,0	87,60	100,0	-0,80	
373	LK1-40	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
374	LK1-41	84,00	85,0	82,85	100,0	-1,15	
375	LK1-42	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
376	LK1-43	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
377	LK1-44	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
378	LK1-45	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
379	LK1-46	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
380	LK1-47	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
381	LK1-48	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
382	LK1-49	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
383	LK1-50	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
384	LK1-51	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
385	LK1-52	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
386	LK1-53	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
387	LK1-54	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
388	LK1-55	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
389	LK1-56	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
390	LK1-57	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
391	LK1-58	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
392	LK1-59	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
393	LK1-60	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
394	LK1-61	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
395	LK1-62	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
396	LK1-63	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
397	LK1-64	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
VI	LK1	2.171		2.171		0	
398	LK1-1	74,47	85,0				
399	LK1-2	82,50	85,0	241,46	85,0	0,98	
400	LK1-3	82,50	85,0				
401	LK1-4	82,50	85,0	82,79	100,0	0,29	
402	LK1-5	82,50	85,0	82,27	100,0	-0,23	
403	LK1-6	82,50	85,0	82,63	100,0	0,13	
404	LK1-7	82,50	85,0	82,98	100,0	0,48	
405	LK1-8	82,50	85,0	82,63	100,0	0,13	
406	LK1-9	82,50	85,0	82,80	100,0	0,30	
407	LK1-10	82,50	85,0	82,80	100,0	0,30	
408	LK1-11	82,50	85,0	82,80	100,0	0,30	
409	LK1-12	82,50	85,0	82,80	100,0	0,30	
410	LK1-13	82,50	85,0	82,80	100,0	0,30	
411	LK1-14	82,50	85,0	82,79	100,0	0,29	
412	LK1-15	77,13	85,0	82,50	100,0	5,38	
413	LK1-16	100,20	85,0	100,20	90,0	0,00	
414	LK1-17	95,10	85,0	93,23	96,8	-1,87	
415	LK1-18	92,90	85,0	91,21	88,8	-1,69	

BẢNG CHỈ TIÊU PHÂN LÔ							
STT	TÊN THỬA ĐẤT	DIỆN TÍCH THEO QH 2018 (m²)	MẬT ĐỘ (%)	DIỆN TÍCH (m²)	DIỆN TÍCH THEO BIỂU CHỈNH CỤC BỘ (m²)	TĂNG / GIẢM	
416	LK1-19	90,60	85,0	87,27	100,0	-1,33	
417	LK1-20	88,40	85,0	87,60	100,0	-0,80	
418	LK1-21	86,20	85,0	86,85	100,0	-1,35	
419	LK1-22	84,00	85,0	82,85	100,0	-1,15	
420	LK1-23	91,60	85,0	85,50	100,0	-1,30	
421	LK1-24	79,90	85,0	77,88	100,0	-1,52	
422	LK1-25	77,30	85,0	75,74	100,0	-1,56	
423	LK1-26	70,40	85,0	72,44	100,0	2,04	
424	LK1-27	92,30	85,0	91,23	90,0	-2,22	
425	LK1-28	100,20	85,0	101,66	89,7	1,72	
426	LK1-29	98,80	85,0	101,89	89,6	3,31	
427	LK1-30	86,20	85,0	99,10	80,9	0,50	
428	LK1-31	87,60	85,0	87,74	82,5	0,14	
429	LK1-32	94,60	85,0	96,83	83,1	0,23	
430	LK1-33	94,60	85,0	95,53	84,5	0,93	
431	LK1-34	93,60	85,0	95,13	84,9	1,53	
432	LK1-35	91,40	85,0	91,14	86,9	-0,06	
433	LK1-36	90,60	85,0	90,64	89,4	0,64	
434	LK1-37	90,00	85,0	90,01	90,0	0,01	
435	LK1-38	89,40	85,0	89,40	90,0	0,00	
436	LK1-39	88,70	85,0	88,44	90,0	0,74	
437	LK1-40	88,30	85,0	87,01	100,0	0,71	
438	LK1-41	88,00	85,0	88,58	100,0	0,58	
439	LK1-42	85,50	85,0	85,50	100,0	0,00	
440	LK1-43	82,60	85,0	85,35	100,0	0,75	
441	LK1-44	91,30	85,0	87,88	100,0	-0,82	
442	LK1-45	88,10	85,0	82,21	100,0	2,11	
443	LK1-46	78,90	85,0	80,19	100,0	1,29	
444	LK1-47	77,70	85,0	78,37	100,0	0,67	
445	LK1-48	75,50	85,0	77,64	100,0	1,94	
446	LK1-49	73,20	85,0	74,38	100,0	0,82	
447	LK1-50	74,00	85,0	76,05	100,0	2,05	
448	LK1-51	77,60	85,0	78,87	100,0	1,07	
449	LK1-52	71,50	85,0	73,87	100,0	1,07	
450	LK1-53	70,30	85,0	350,91	57,5	5,71	
451	LK1-54	69,00	85,0				
452	LK1-55	67,80	85,0				
453	LK1-56	66,60	85,0				
454	LK1-57	67,80	85,0	70,04	100,0	2,14	
455	LK1-58	74,50	85,0	75,23	100,0	0,73	
456	LK1-59	82,13	85,0	80,89	100,0	-1,14	
457	LK1-60	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
458	LK1-61	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
459	LK1-62	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
460	LK1-63	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	

BẢNG CHỈ TIÊU PHÂN LÔ							
STT	TÊN THỬA ĐẤT	DIỆN TÍCH THEO QH 2018 (m²)	MẬT ĐỘ (%)	DIỆN TÍCH (m²)	DIỆN TÍCH THEO BIỂU CHỈNH CỤC BỘ (m²)	TĂNG / GIẢM	
461	LK1-38	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
462	LK1-39	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
463	LK1-40	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
464	LK1-41	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
465	LK1-42	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
466	LK1-43	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
467	LK1-44	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
468	LK1-45	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
469	LK1-46	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
470	LK1-47	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
471	LK1-48	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
472	LK1-49	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
473	LK1-50	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
474	LK1-51	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
475	LK1-52	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
476	LK1-53	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
477	LK1-54	82,13	85,0	81,23	100,0	-0,90	
478	LK1-55	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
479	LK1-56	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
480	LK1-57	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
481	LK1-58	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
482	LK1-59	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
483	LK1-60	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
484	LK1-61	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
485	LK1-62	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
486	LK1-63	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
487	LK1-64	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
488	LK1-65	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
489	LK1-66	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
490	LK1-67	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
491	LK1-68	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
492	LK1-69	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
493	LK1-70	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
494	LK1-71	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
495	LK1-72	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
496	LK1-73	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
497	LK1-74	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
498	LK1-75	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
499	LK1-76	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
500	LK1-77	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
501	LK1-78	82,13	85,0	81,00	100,0	-1,13	
502	LK1-79	92,80	85,0	90,79	90,0	0,00	
503	LK1-80	112,40	85,0	112,08	87,6	1,58	
504	LK1-81	122,60	85,0	115,84	86,9	0,00	
505	LK1-82	122,70	85,0	127,09	84,6	4,39	
506	LK1-83	121,60	85,0	122,82	85,4	1,22	
507	LK1-84	120,00	85,0	120,20	86,0	0,20	
508	LK1-85	119,40	85,0	119,41	86,1	-0,29	
509	LK1-86	118,70	85,0	118,73	86,3	0,03	
510	LK1-87	117,90	85,0	118,46	86,7	-0,54	
511	LK1-88	117,00	85,0	116,94	87,0	-1,06	
512	LK1-89	116,10	85,0	113,42	87,3	2,57	
513	LK1-90	113,40	85,0	112,08	87,6	-1,32	
514	LK1-91	112,20	85,0	110,91	87,8	-1,29	
515	LK1-92	110,00	85,0	109,74	88,1	-1,18	
516	LK1-93	108,70	85,0	108,83	88,2	-0,87	
517	LK1-94	106,40	85,0	106,40	88,5	-1,00	
518	LK1-95	104,60	85,0	104,33	88,7	-0,27	
519	LK1-96	102,80	85,0	102,26	88,8	-0,54	
520	LK1-97	105,40	85,0	105,08	88,6	-0,32	
521	LK1-98	107,20	85,0	107,40	88,5	0,20	
522	LK1-99	107,20	85,0	106,23	88,6	-0,97	
523	LK1-100	106,30	85,0	106,78	88,4	0,48	
524	LK1-101	105,40	85,0	105,08	88,6	-0,32	
525	LK1-102	104,60	85,0	104,33	88,7	-0,27	
526	LK1-103	103,70	85,0	103,58	88,8	-0,12	
527	LK1-104	102,80	85,0	102,81	88,9	0,01	
528	LK1-105	101,90	85,0	101,53	89,0	-0,37	
529	LK1-106	101,00	85,0	101,03	89,0	0,03	
530	LK1-107	100,10	85,0	100,24	89,1	0,14	
531	LK1-108	99,20	85,0	99,45	89,2	0,25	
532	LK1-109	98,30	85,0	98,66	89,3	0,36	
533	LK1-110	97,40	85,0	97,87	89,4	0,47	
534	LK1-111	96,50	85,0	97,08	89,5	0,58	
535	LK1-112	95,60	85,0	96,29	89,6	0,69	
536	LK1-113	94,70	85,0	95,50	89,7	0,80	
537	LK1-114	93,80	85,0	94,71	89,8	0,91	
538	LK1-115	92,90	85,0	93,92	89,9	1,02	
539	LK1-116	92,00	85,0	93,13	90,0	1,13	
540	LK1-117	91,10	85,0	92,34	90,0	1,24	
541	LK1-118	90,20	85,0	91,54	90,0	1,34	
542	LK1-119	89,30	85,0	90,75	90,0	1,45	
543	LK1-120	88,40	85,0	89,96	90,0	1,56	
544	LK1-121	87,50	85,0	89,17	90,0	1,67	
545	LK1-122	86,60	85,0	88,38	90,0	1,78	
546	LK1-123	85,70	85,0	87,59	90,0	1,89	
547	LK1-124	84,80	85,0	86,80	90,0	2,00	
548	LK1-125	83,90	85,0	86,01	90,0	2,11	
549	LK1-126	83,00	85,0	85,22	90,0	2,22	
550	LK1-127	82,10	85,0	84,43	90,0	2,33	
551	LK1-128	81,20	85,0	83,64	90,0	2,44	
552	LK1-129	80,30	85,0	82,85	90,0	2,55	
553	LK1-130	79,40	85,0	81,97	90,0	2,66	
554	LK1-131	78,50	85,0	81,08	90,0	2,77	
555	LK1-132	77,60	85,0	80,19	90,0	2,88	
556	LK1-133	76,70	85,0	79,31	90,0	2,99	
557	LK1-134	75,80	85,0	78,42	90,0	3,10	
558	LK1-135	74,90	85,0	77,53	90,0	3,21	
559	LK1-136	74,00	85,0	76,64	90,0	3,32	
560	LK1-137	73,10	85,0	75,75	90,0	3,43	
561	LK1-138	72,20	85,0	74,86	90,0	3,54	
562	LK1-139	71,30	85,0	73,97	90,0	3,65	
563	LK1-140	70,40	85,0	73,08	90,0	3,76	
564	LK1-141	69,50	85,0	72,19	90,0	3,87	
565	LK1-142	68,60	85,0	71,30	90,0	3,98	
566	LK1-143	67,70	85,0	70,41	90,0	4,09	
567	LK1-144	66,80	85,0	69,52	90,0	4,20	
568	LK1-145	65,90	85,0	68,63	90,0	4,31	
569	LK1-146	65,00	85,0	67,74	90,0	4,42	
570	LK1-147	64,10	85,0	66,85	90,0	4,53	
571	LK1-148	63,20	85,0	65,96	90,0	4,64	
572	LK1-149	62,30	85,0	65,07	90,0	4,75	
573	LK1-150	61,40	85,0	64,18	90,0	4,86	
574	LK1-151	60,50	85,0	63,29	90,0	4,97	
575	LK1-152	59,60	85,0	62,40	90,0	5,08	
576	LK1-153	58,70	85,0	61,51	90,0	5,19	
577	LK1-154	57,80	85,0	60,62	90,0	5,30	
578	LK1-155	56,90	85,0	59,73	90,0	5,41	
579	LK1-156	56,00	85,0	58,84	90,0	5,52	
580	LK1-157	55,10	85,0	57,95	90,0	5,63	
581	LK1-158	54,20	85,0	57,06	90,0	5,74	
582	LK1-159	53,30	85,0	56,17	90,0	5,85	
583	LK1-160	52,40	85,0	55,28	90,0	5,96	
584	LK1-161	51,50	85,0	54,39	90,0	6,07	
585	LK1-162	50,60	85,0	53,50	90,0	6,18	
586	LK1-163	49,70	85,0	52,61	90,0	6,29	
587	LK1-164	48,80	85,0	51,72	90,0	6,40	
588	LK1-165	47,90	85,0	50,83	90,0	6,51	
589	LK1-166	47,00	85,0	49,94	90,0	6,62	
590	LK1-167	46,10	85,0	49,05	90,0	6,73	
591	LK1-168	45,20	85,0	48,16	90,0	6,84	
592	LK1-169	44,30	85,0	47,27	90,0	6,95	
593	LK1-170	43,40	85,0	46,38	90,0	7,06	
594	LK1-171	42,50	85,0	45,49	90,0	7,17	
595	LK1-172	41,60	85,0	44,60	90,0	7,28	
596	LK1-173	40,70	85,0	43,71	90,0	7,39	
597	LK1-174	39,80	85,0	42,82	90,0	7,50	
598	LK1-175	38,90	85,0	41,93	90,0	7,61	
599	LK1-176	38,00	85,0	41,04	90,0	7,72	
600	LK1-177	37,10	85,0	40,15	90,0	7,83	
601	LK1-178	36,20	85,0	39,26	90,0	7,94	
602	LK1-179	35,30	85,0	38,37	90,0	8,05	
603	LK1-180	34,40	85,0	37,48	90,0	8,16	
604	LK1-181	33,50	85,0	36,59	90,0	8,27	
605	LK1-182	32,60	85,0	35,70	90,0	8,38	
606	LK1-183	31,70	85,0	34,81	90,0	8,49	
607	LK1-184	30,80	85,0	33,92	90,0	8,60	
608	LK1-185	29,90	85,0	33,03	90,0	8,71	
609	LK1-186	29,00	85,0	32,14	90,0	8,82	
610	LK1-187	28,10	85,0	31,25	90,0	8,93	
611	LK1-188	27,20	85,0	30,36	90,0	9,04	
612	LK1-189	26,30	85,0	29,47	90,0	9,15	
613	LK1-190	25,40	85,0	28,58	90,0	9,26	
614	LK1-191	24,50	85,0	27,69	90,0	9,37	
615	LK1-192	23,60	85,0	26,80	90,0	9,48	
616	LK1-193	22,70	85,0	25,91	90,0	9,59	
617	LK1-194	21,80	85,0	25,02	90,0	9,70	
618	LK1-195	20,90	85,0	24,13	90,0	9,81	
619	LK1-196	20,00	85,0	23,24	90,0	9,92	
620	LK1-197	19,10	85,0	22,35	90,0	10,03	
621	LK1-198	18,20	85,0	21,46	90,0	10,14	
622	LK1-199	17,30	85,0	20,57	90,0	10,25	
623	LK1-200	16,40	85,0	19,68	90,0	10,36	
624	LK1-201	15,50	85,0	18,79	90,0	10,47	
625	LK1-202	14,60	85,0	17,90	90,0	10,58	
626	LK1-203	13,70	85,0	17,01	90,0	10,69	
627	LK1-204	12,80	85,0	16,12	90,0	10,80	
628	LK1-205	11,90	85,0	15,23	90,0	10,91	
629	LK1-206	11,00	85,0	14,34	90,0	11,02	
630	LK1-207	10,10	85,0	13,45	90,0	11,13	
631	LK1-208	9,20	85,0	12,56	90,0	11,24	
632	LK1-209	8,30	85,0	11,67	90,0	11,35	
633	LK1-210	7,40	85,0	10,78	90,0	11,46	
634	LK1-211	6,50	85,0	9,89	90,0	11,57	
635	LK1-212	5,60	85,0	9,00	90,0	11,68	
636	LK1-213	4,70	85,0	8,11	90,0	11,79	
637	LK1-214	3,80	85,0	7,22	90,0	11,90	
638	LK1-215	2,90	85,0	6,33	90,0	12,01	
639	LK1-216	2,00	85,0	5,44	90,0	12,12	
640	LK1-217	1,10	85,0	4,55	90,0	12,23	
641	LK1-218	0,20	85,0	3,66	90,0	12,34	
642	LK1-219	0,00	85,0	2,77	90,0	12,45	
643	LK1-220	0,00	85,0	1,88	90,0	12,56	
644	LK1-221	0,00	85,0	0,99	90,0	12,67	
645	LK1-222	0,00	85,0	0,10	90,0	12,78	
646	LK1-223	0,00	85,0	0,00	90,0	12,89	
647	LK1-224	0,00	85,0	0,00	90,0	13,00	
648	LK1-225	0,00	85,0	0,00	90,0	13,11	
649	LK1-226	0,00	85,0	0,00	90,0	13,22	
650	LK1-227	0,00	85,0	0,00	90,0	13,33	
651	LK1-228	0,00	85,0	0,00	90,0	13,44	
652	LK1-229	0,00	85,0	0,00	90,0	13,55	
653	LK1-230	0,00	85,0	0,00	90,0	13,66	
654	LK1-231	0,00	85,0	0,00	90,0	13,77	
655	LK1-232	0,00	85,0	0,00	90,0	13,88	
656	LK1-233	0,00	85,0	0,00	90,0	13,99	
657	LK1-234	0,00	85,0	0,00	90,0	14,10	
658	LK1-235	0,00	85,0	0,00	90,0	14,21	
659	LK1-236	0,00	85,0	0,00	90,0	14,32	
660	LK1-237	0,00	85,0	0,00	90,0	14,43	
661	LK1-238	0,00	85,0	0,00	90,0	14,54	
662	LK1-239	0,00	85,0	0,00	90,0	14,65	
663	LK1-240	0,00	85,0	0,00	90,0	14,76	
664	LK1-241	0,00	85,0	0,00	90,0	14,87	
665	LK1-242	0,00	85,0	0,00	90,0	14,98	
666	LK1-243	0,00	85,0	0,00	90,0	15,09	
667	LK1-244	0,00	85,0	0,00	90,0	15,20	
668	LK1-245	0,00	85,0	0,00	90,0	15,31	
669	LK1-246	0,00	85,0	0,00	90,0	15,42	
670	LK1-247	0,00	85,0	0,00	90,0	15,53	
671	LK1-248	0,00	85,0	0,00	90,0	15,64	
672	LK1-249	0,00	85,0	0,00	90,0	15,75	
673	LK1-250	0,00	85,0	0,00	90,0	15,86	
674	LK1-251	0,00	85,0	0,00	90,0	15,97	
675	LK1-252	0,00	85,0	0,00	90,0	16,08	
676	LK1-253	0,00	85,0	0,00	90,0	16,19	
677	LK1-254	0,00	85,0	0,00	90,0	16,30	
678	LK1-255	0,00	85,0	0,00	90,0	16,41	
679	LK1-256	0,00	85,0	0,00	90,0	16,52	
680	LK1-257	0,00	85,0	0,00	90,0	16,63	
681	LK1-258	0,00	85,0	0,00	90,0	16,74	
682	LK1-259	0,00	85,0	0,00	90,0	16,85	
683	LK1-260	0,00	85,0	0,00	90,0	16,96	
684	LK1-261	0,00	85,0	0,00	90,0	17,07	
685	LK1-262	0,00	85,0	0,00	90,0	17,18	
686	LK1-263	0,00	85,0	0,00	90,0	17,29	
687	LK1-264	0,00	85,0	0,00	90,0	17,40	
688	LK1-265	0,00	85,0	0,00	90,0	17,51	
689	LK1-266	0,00	85,0	0,00	90,0	17,62	
690	LK1-267	0,00	85,0	0,00	90,0	17,73	
691	LK1-268	0,00	85,0	0,00	90,0	17,84	
692	LK1-269	0,00	85,0	0,00	90,0	17,95	
693	LK1-270	0,00	85,0	0,00	90,0	18,06	
694	LK1-271	0,00	85,0	0,00	90,0	18,17	
695	LK1-272	0,00	85,0	0,00	90,0	18,28	
696	LK1-273	0,00	85,0	0,00	90,0	18,39	
697	LK1-274	0,00	85,0	0,00	90,0	18,50	
698	LK1-275	0,00	85,0	0,00	90,0	18,61	
699	LK1-276	0,00	85,0	0,00	90,0	18,72	
700	LK1-277	0,00	85,0	0,00	90,0	18,83	
701	LK1-278	0,00	85,0	0,00	90,0	18,94	
702	LK1-279	0,00	85,0	0,00	90,0	19,05	
703	LK1-280	0,00	85,0	0,00	90,0	19,16	
704	LK1-281	0,00	85,0	0,00	90,0	19,27	
705	LK1-282	0,00	85,0	0,00	90,0	19,38	
706	LK1-283	0,00	85,0	0,00	90,0	19,49	
707	LK1-284	0,00	85,0	0,00	90,0	19,60	
708	LK1-285	0,00	85,0	0,00	90,0	19,71	
709	LK1-286	0,00	85,0	0,00	90,0	19,82	
710	LK1-287	0,00	85,0	0,00	90,0	19,93	
711	LK1-288	0,00	85,0	0,00	90,0	20,04	
712	LK1-289	0,00	85,0	0,00	90,0	20,15	
713	LK1-290	0,00	85,0	0,00	90,0	20,26	
714	LK1-291	0,00	85,0	0,00	90,0	20,37	
715	LK1-292	0,00	85,0	0,00	90,0	20,48	
716	LK1-293	0,00	85,0	0,00	90,0	20,59	
717	LK1-294	0,00	85,0	0,00	90,0	20,70	
718	LK1-295	0,00	85,0	0,00	90,0	20,81	
719	LK1-296	0,00	85,0	0,00	90,0	20,92	
720	LK1-297	0,00	85,0

PHỐI CẢNH TỔNG THỂ SAU ĐIỀU CHỈNH

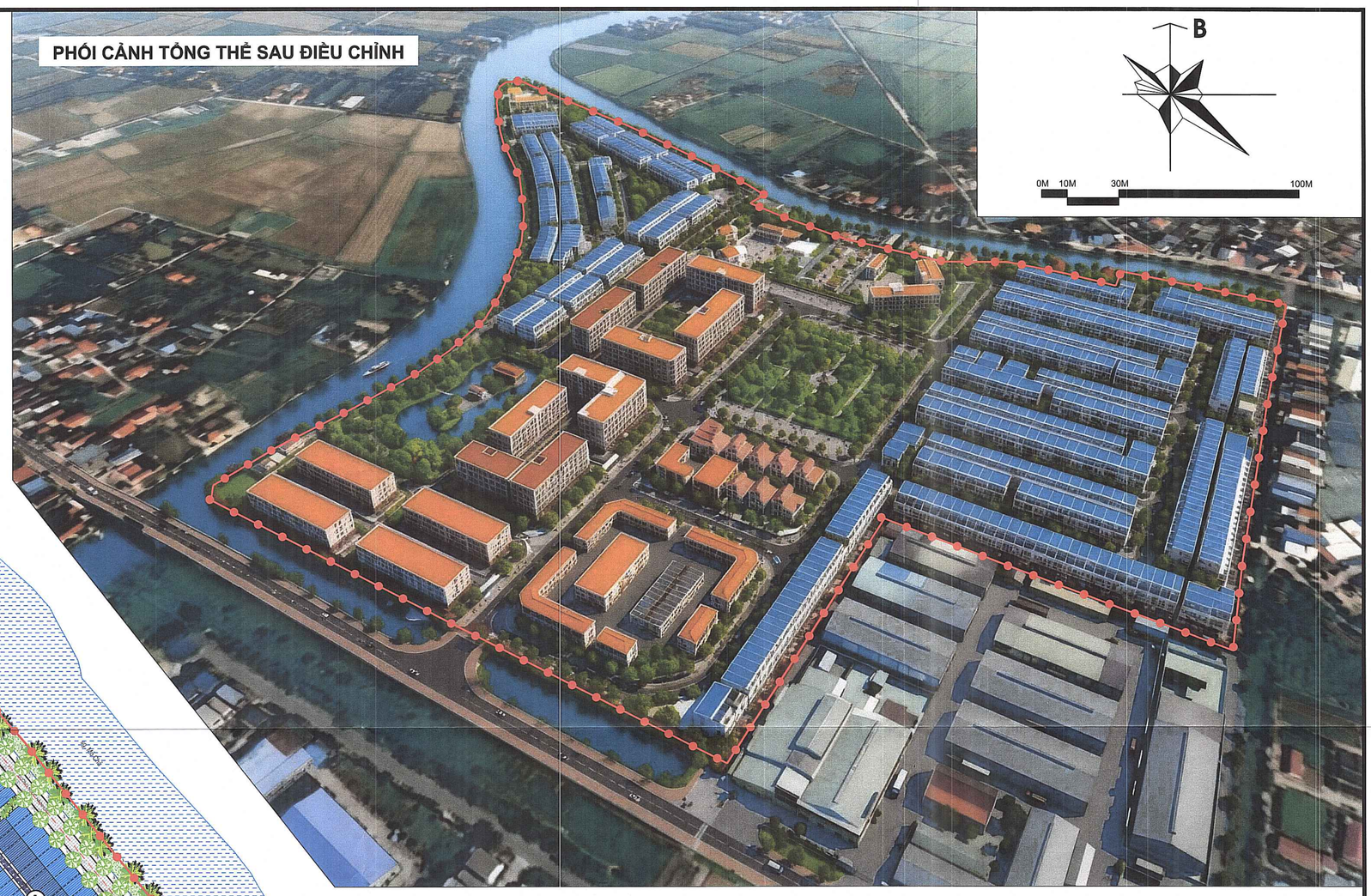

B

0M 10M 30M 100M

GHI CHÚ:

	RANH GIỚI QUY HOẠCH
1	NHÀ Ở LIÊN KẾ
2	ĐẤT CÔNG AN PCCC
3	CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ
4	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
5	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
6	TRẠM Y TẾ
7	CHÙA TRÚC LÂM
8	CÔNG TRÌNH NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ NGƯỜI THU NHẬP THẤP
9	CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA
10	CHỢ NAM SÁCH
11	CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
P	BÃI ĐỖ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 2...-VBD-UBND, NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2026
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN THẢO

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ÁI QUỐC
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 57/BC-KTHTĐT, NGÀY 25 THÁNG 10 NĂM 2026
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 121/2026/QĐ-... NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2026
CHỦ TỊCH HĐQT
Triệu Thanh An

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ÁI QUỐC, PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ÁI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: ...-...-.....
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VIỆT NAM		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN MINH SƠN		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. BÙI ANH TUẤN		

GIÁM ĐỐC:
TÔ ĐÌNH PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 107, NGÕ 10 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG
PHƯỜNG LÁNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 0912.754.355

BIỂU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP AI QUỐC, PHƯỜNG AI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500
QH-06: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- 37 ĐƯỜNG QUỐC LỘ 37
- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH
- ĐƯỜNG KHU VỰC
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
  - BỘ GÂY
  - TIM ĐƯỜNG GIAO THÔNG
  - BỜ VỈA
  - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- TUYẾN 1 — TÊN TUYẾN
- 124.00 / 123.50 N10 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN — NỨT GIAO
- 0.08% / 127.08m — DỐC DỌC ĐƯỜNG / CHIỀU DÀI TUYẾN
- R=15m — BÁN KÍNH BỜ VỈA
- P-1-1 / 28.444,67 / 1-2 / 20 — KÝ HIỆU, QUY MÔ BÃI ĐỖ XE

ĐI QUỐC LỘ 5

QUỐC LỘ 37

SÔNG BẾN GẠCH

SÔNG TIỀN TRUNG

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 2A

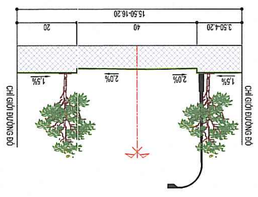

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 2B

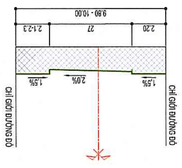

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 3

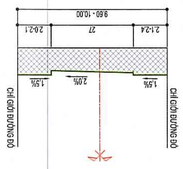

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 8A

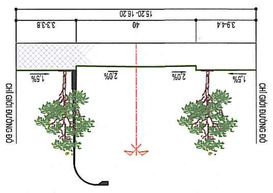

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 9A

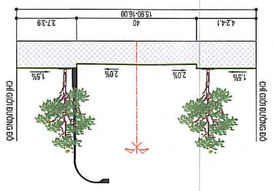

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 9B

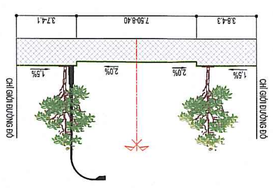

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 12

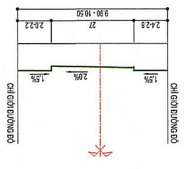

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 13

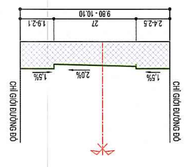

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 14

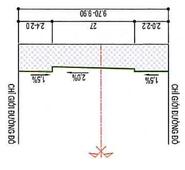

MẶT CẮT NGANG TUYẾN 15

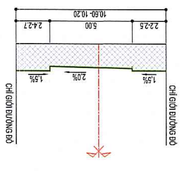

BẢN VẼ: QH-06	GHÉP: 1X40	TỶ LỆ: FIT	NGÀY: .../.../.....
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN TUẤN VIỆT		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN VĂN LAI		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG		
Q.L KỸ THUẬT	KS. BÙI ANH TUẤN		

GIÁM ĐỐC:
TỔ BÌNH PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
Thị Sắc, Số 2, NGÁCH 107, NGÕ 19 PHỐ PHẠM ĐÌNH HỔ
PHƯỜNG LÊNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 0912.754.355

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG AI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BIỂU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP AI QUỐC, PHƯỜNG AI QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:

CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Quang Anh
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUẢNG NGÃI

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 21/Tr-CTy-NQC NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUẢNG

TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THANH HẰNG

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 2026/BC-UBND, NGÀY 23 THÁNG 12 NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG AI QUỐC

PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN THẢO

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 2026/QĐ-UBND, NGÀY 23 THÁNG 12 NĂM 2026

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AI QUỐC

0M 10M 30M 100M

B